

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2020/HSST

Ngày: 10/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Thanh Hà**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Ánh Tuyết**.

Ông **Quách Đình Hoàng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Lệ Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Phan Văn Hóa** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 150/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020, đối với bị cáo:

Phạm N (tên gọi khác: Bi); Sinh năm 2000 tại Gia Lai.

Nơi cư trú: Tổ 6, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe.

Cha: Phạm Văn Sang (đã chết); Mẹ: Nguyễn K; Sinh năm 1980. Hiện mẹ của bị cáo trú tại Tổ 6, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có 01 người em ruột, sinh năm 2007. Bị cáo chưa lập gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/6/2020 sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người chứng kiến:**

- Ông **Đặng B**.

Địa chỉ: Tổ 1, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm N là người có sử dụng ma túy; qua mối quan hệ ngoài xã hội, N có quen biết đối tượng tên H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) và có nợ H 1.000.000 đồng. Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 05/6/2020, N đi chơi tại khu vực trước cổng

trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai thuộc phường I, thành phố P thì gặp H. Tại đây, H đưa cho N 01 gói nylon bên trong chứa 10 viên ma túy (loại thuốc Lắc) và 02 gói nylon bên trong đều chứa ma túy (loại ma túy Khay). Sau đó, H nói N mang số ma túy trên đến khu công viên nhà trọ ở số 28 đường V, Tổ 01, phường I, thành phố P để bán cho 01 người phụ nữ tên L (chưa rõ nhân thân, lai lịch), với giá 3.500.000 đồng và nói L chuyển khoản số tiền bán ma túy cho H, rồi H sẽ trừ nợ cho N 1.000.000 đồng, N đồng ý. N cất giấu toàn số ma túy trong người, rồi thuê xe ôm của một người (không rõ họ tên, lai lịch) chở đến khu nhà trọ theo địa chỉ trên. Khi đến nơi, N xuống xe và đang tìm L để bán ma túy thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trong người N 01 gói nylon bên trong chứa 10 viên nén màu xanh; 02 gói nylon bên trong đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (được niêm phong theo quy định) và 01 điện thoại di động hiệu Iphone A1688, kèm sim có số Seri: 8984.04800.00360.39744.

Qua trưng cầu giám định, tại bản Kết luận giám định số 469 ngày 14/6/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“10 viên nén màu xanh trong 01 gói nylon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng 3,7721 gam; chất màu trắng dạng tinh thể trong 02 gói nylon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng: 0,5822 gam”*.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone A1688, kèm sim số, qua điều tra xác định là của cá nhân bị cáo N, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chuyển theo vụ án để xử lý.

Đối với chất ma túy loại MDMA và Ketamine còn lại sau giám định, trong 01 bì công văn ghi số 469 ngày 14/6/2020, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chuyển theo vụ án để xử lý.

Tại Bản cáo trạng số: 152/CT- VKS ngày 30/9/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Phạm N về tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố bị cáo Phạm N phạm tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”*; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone A1688, kèm sim số, là tài sản cá nhân của bị cáo Phạm N, không liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 bì công văn ghi số 469 ngày 14/6/2020, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P là ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận có hành vi mua bán trái phép chất ma túy như cáo trạng đã nêu, nhận thấy hành vi đó của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo và người chứng kiến trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội như sau: Vào khoảng 23 giờ 05 phút ngày 05/6/2020, tại khu vực nhà trọ số 28 đường V, Tổ 01, phường I, thành phố P, khi Phạm N đang cất giấu 01 gói nilon bên trong chứa 10 viên ma túy, loại MDMA, khối lượng 3,7721 gam và 02 gói nilon bên trong chứa ma túy, loại Katemine, khối lượng 0,5822 gam, nhằm mục đích để bán thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

[3] Hành vi cất giấu 3,7721 gam ma túy loại MDMA và 0,5822 gam ma túy loại Katemine với mục đích để bán do bị cáo thực hiện như trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội, đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự 2015 đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố.

Bị cáo là người có đủ năng lực để nhận thức được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và sự phát triển lành mạnh của nòi giống, ma túy cũng là nguyên nhân gián tiếp làm phát sinh các loại tệ nạn xã hội, gây nhiễu loạn xã hội. Việc bị cáo cất giấu ma túy nhằm mục đích mang đi bán cho đối tượng nghiện ma túy để cản trở số tiền mà bị cáo còn nợ của đối tượng tên H nhằm thu lợi bất chính là vi phạm pháp luật hình sự. Do vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thuộc diện hộ nghèo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone A1688, kèm sim số, là tài sản cá nhân

của bị cáo Phạm N, không liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 bì công văn ghi số 469 ngày 14/6/2020, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P là ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh và hình phạt

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, tuyên bố bị cáo Phạm N phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm N 03 năm 06 tháng (*ba năm sáu tháng*) tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 06/6/2020.

Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì công văn ghi số 469/PC09 ngày 14/6/2020, có dấu niêm phong của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai (có các chữ ký Nguyễn Minh Tâm, Nguyễn Đại Hải, Trần Minh Duy).

- Trả lại cho bị cáo Phạm N 01 điện thoại di động hiệu Iphone A1688 kèm sim số (điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong).

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/10/2020 giữa Công an thành phố P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đoàn Thị Thanh Hà